

Số: 256/QĐ-BVT

Điện Biên, ngày 04 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v Công khai Quyết toán ngân sách năm 2024
Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Thông tư số 61/2017-TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021/NĐ-CP qui định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 576/QĐ-SYT ngày 27/6/2022 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-SYT ngày 02/02/2023 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên về việc Quy định phân cấp quản lý cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Điện Biên;

Căn cứ biên bản xét duyệt Quyết toán ngân sách năm 2024 ngày 28/03/2025 của Sở y tế tỉnh Điện Biên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu Quyết toán ngân sách năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các khoa phòng và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu: VT, TCKT



GIÁM ĐỐC

Ts.Bs. Phạm Tiến Biên

**SỔ LIỆU QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024**

Kèm theo Quyết định số 256/QĐ-BVT ngày 04 tháng 4 năm 2025
của Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: đồng

STT	Chi tiêu	Mã số	Bệnh viện Đa khoa tỉnh		
			Số báo cáo	Số đối chiếu, kiểm tra	Chênh lệch
A	B	C	1	2	3
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp				
1	Doanh thu (01=02+03+04)	01	21.060.964.217	21.060.964.217	-
	a. Từ NSNN cấp	02	21.060.964.217	21.060.964.217	-
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	03			-
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	04			-
2	Chi phí (05=06+07+08)	05	21.060.964.217	21.060.964.217	-
	a. Chi phí hoạt động	06	21.060.964.217	21.060.964.217	-
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	07			-
	c. Chi phí hoạt động thu phí	08			-
3	Thặng dư/thâm hụt (09= 01-05)	09	-	-	-
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ				-
1	Doanh thu	10	266.485.079.561	266.485.079.561	-
2	Chi phí	11	227.494.851.978	227.494.851.978	-
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	12	38.990.227.583	38.990.227.583	-
III	Hoạt động tài chính				-
1	Doanh thu	20	305.833.844	305.833.844	-
2	Chi phí	21	15.713.100	15.713.100	-
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	22	290.120.744	290.120.744	-
IV	Hoạt động khác				-
1	Thu nhập khác	30	3.990.000	3.990.000	-
2	Chi phí khác	31			-
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	32	3.990.000	3.990.000	-
V	Chi phí thuế TNDN	40	500.461.352	500.461.352	-
VI	Các khoản phải nộp NSNN khác	41			-
VII	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	50	38.783.876.975	38.783.876.975	-
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51			-
2	Phân phối cho các quỹ	52	38.783.876.975	38.783.876.975	-
3	Kinh phí cải cách tiền lương	53		-	-



SỐ LIỆU QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024

Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-BVT ngày 4 tháng 4 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	
			Tổng số	L130-K132
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC			
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC			
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	01	-	-
2	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	08	8.080.000.000	8.080.000.000
2.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	09	-	-
2.2	Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ	10	8.080.000.000	8.080.000.000
3	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)	11	8.080.000.000	8.080.000.000
3.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	12	-	-
3.2	Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ	13	8.080.000.000	8.080.000.000
4	KP thực nhận trong năm (14=15+16)	14	8.080.000.000	8.080.000.000
4.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	15	-	-
4.2	Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ	16	8.080.000.000	8.080.000.000
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	17	8.080.000.000	8.080.000.000
5.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	18	-	-
5.2	Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ	19	8.080.000.000	8.080.000.000



SỔ LIỆU QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 254/QĐ-BVT ngày 04 tháng 4 năm 2025
của Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: Đồng

Loại	Khoản	Mục	Tiêu mục	Nội dung chi	Bệnh viện Đa khoa tỉnh
L 130- K 132					8.080.000.000
Kinh phí không tự chủ/không thường xuyên (L130-K132)					8.080.000.000
	TN 0130			CHI HÀNG HÓA DỊCH VỤ	8.050.678.600
		6100		Phụ cấp lương	8.298.344
			6114	Phụ cấp trực	8.298.344
		6500		Thanh toán DVCC	2.264.016
			6503	Tiền nhiên liệu	2.264.016
		6750		Chi phí thuê mướn	79.500.000
			6799	Chi phí thuê mướn khác	79.500.000
		6950		Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	7.870.500.000
			6954	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	7.870.500.000
		7750		Chi khác	90.116.240
			7756	Chi các khoản phí, lệ phí	50.000.000
			7761	Chi tiếp khách	40.116.240
	TN 0130			CHI HỖ TRỢ VÀ BỔ SUNG	29.321.400
		8000		Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	29.321.400
			8049	Chi hỗ trợ khác	29.321.400